

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất và bổ sung sản phẩm mới của Công ty TNHH Xích KMC (Việt Nam), quy mô: Sản xuất xích xe đạp, xích xe gắn máy, xích động cơ, xích lăn và phụ kiện xích: 15.500.000 sản phẩm/năm; Sản xuất đĩa xích, phụ kiện đĩa xích xe gắn máy: 900.000 sản phẩm/năm; Gia công xử lý nhiệt, gia công bàn khuôn máy các loại (khuôn dập nguội, khuôn vạt góc, khuôn bù lon, tọa ổ bi và khuôn đường chạy dây xích): 504.000 kg/năm; Gia công các loại bán thành phẩm bằng kim loại: 1.000.000 kg/năm; Bổ sung cho thuê nhà xưởng (diện tích 2.000m²)” của Công ty TNHH Xích KMC (Việt Nam) tại khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong KCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 5649/KCNĐN-MT ngày 20/12/2021 của Ban Quản lý các KCN về việc kết quả thẩm định thông qua việc lấy ý kiến nhận xét Báo cáo ĐTM dự án của Công ty TNHH Xích KMC (Việt Nam);

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản giải trình số CV-01/KMC-2022 ngày 27/01/2022 của Công ty TNHH Xích KMC (Việt Nam);

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng, nâng công suất và bổ sung sản phẩm mới của Công ty TNHH Xích KMC (Việt Nam), quy mô: Sản xuất xích xe đạp, xích xe gắn máy, xích động cơ, xích lăn và phụ kiện xích: 15.500.000 sản phẩm/năm; Sản xuất đĩa xích, phụ kiện đĩa xích xe gắn máy: 900.000 sản phẩm/năm; Gia công xử lý nhiệt, gia công bàn khuôn máy các loại (khuôn dập nguội, khuôn vạt góc, khuôn bù lon, tọa ổ bi và khuôn đường chạy dây xích): 504.000 kg/năm; Gia công các loại bán thành phẩm bằng kim loại: 1.000.000 kg/năm; Bổ sung cho thuê nhà xưởng (diện tích 2.000m²)” tại KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH Xích KMC (Việt Nam) (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1098/BĐK.KHCNMT ngày 15/09/2000 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai xác nhận của dự án “Nhà máy sản xuất xích, đĩa xích và phụ kiện” của Công ty TNHH Xích KMC (Việt Nam) tại KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND Thành phố Biên Hòa;
- Cty CP Đô thị Amata Biên Hòa;
- Website của BQL;
- Lưu VT, MT (Tuyet).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Văn Danh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
CỦA CÔNG TY TNHH XÍCH KMC (VIỆT NAM) TẠI KHU
CÔNG NGHIỆP LONG BÌNH (AMATA), PHƯỜNG LONG BÌNH,
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

(Kèm theo Quyết định số **91** /QĐ-KCNĐN ngày **24** tháng **3** năm 2022
của Trưởng ban Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Chủ Dự án: Công ty TNHH Xích KMC (Việt Nam).

Địa chỉ liên hệ: số 102-102/1, đường Amata, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Vị trí Dự án: số 102-102/1, đường Amata, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Diện tích đất sử dụng: 61.553m².

1.4. Quy mô, công suất của Dự án:

- Sản xuất xích xe đạp, xích xe gắn máy, xích động cơ, xích lăn và phụ kiện xích với quy mô: 15.500.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất đĩa xích, phụ kiện đĩa xích xe gắn máy với quy mô: 900.000 sản phẩm/năm.

- Gia công xử lý nhiệt, gia công bàn khuôn máy các loại (khuôn dập nguội, khuôn vạt góc, khuôn bù lon, tọa ổ bi và khuôn đường chạy dây xích) với quy mô: 504.000 kg/năm.

- Gia công các loại bán thành phẩm bằng kim loại với quy mô: 1.000.000 kg/năm.

- Kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng với diện tích 2.000m²).

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Sơ lược quy trình sản xuất xích xe đạp, xích xe gắn máy, xích động cơ, xích lăn: cấu tạo của 1 xích gồm 5 bộ phận: ống lót, ống lăn, mắt trong, mắt ngoài, chốt.

+ Sản xuất ống lót: nguyên liệu (thép đẹp) → uốn → cắt.

+ Sản xuất ống lăn: nguyên liệu (thép đẹp) → uốn → cắt.

+ Sản xuất mắt trong: nguyên liệu (băng thép) → định hình → dập.

+ Sản xuất mắt ngoài: nguyên liệu (băng thép) → định hình → dập.

+ Sản xuất chốt: nguyên liệu (dây thép) → định hình → cắt → mài.

+ Các bộ phận (ống lót, ống lăn, mắt trong, mắt ngoài, chốt) → tô → ram → mài cát, rửa → tách nước → phun cát → đánh bóng → thổi bụi → lựa chọn → lắp ráp (phụ kiện là đầu nối từ quy trình sản xuất phụ kiện xích) → nhúng dầu → đóng gói → nhập kho.

- Quy trình sản xuất phụ kiện xích (đầu nối phục vụ cho các dây xích): Đầu nối gồm 4 bộ phận: mắt nối, mắt 2 chân, mắt khóa, chốt nối.

+ Sản xuất chốt nối: nguyên liệu (băng thép) → định hình → dập

+ Sản xuất mắt khóa: nguyên liệu (băng thép) → định hình → dập

+ Sản xuất mắt nối: nguyên liệu (băng thép) → định hình → dập

+ Sản xuất mắt 2 chân: nguyên liệu (dây thép) → định hình → cắt

+ Các bộ phận (mắt nối, mắt 2 chân, mắt khóa, chốt nối) → tô → ram → mài cát, rửa → tách nước → phun cát → đánh bóng → thổi bụi → lựa chọn → một phần

chuyển đến lắp ráp quy trình sản xuất xích của dự án, còn lại đóng gói nhập kho chờ xuất bán.

- Sơ lược quy trình sản xuất đĩa xích: nguyên liệu (thép tấm) → xuống phôi → dập lỗ trong → dập hình hoa → áp bằng → tiện đường kính ngoài → đảo góc ngoài → tiện lỗ trong → cắt răng → đảo góc trong → khoan/dập → đảo góc các lỗ → tô → ram → phun cát → chuốt lỗ trong → nhúng dầu → đóng gói → nhập kho.

- Sơ lược quy trình sản xuất phụ kiện đĩa xích xe gắn máy (phe cài): nguyên liệu (băng thép) → cắt thành tấm nhỏ → dập thành hình → phun cát → nhúng dầu → đóng gói → nhập kho.

- Sơ lược quy trình gia công xử lý nhiệt (chốt khóa và ổ khóa): nguyên liệu (chốt khóa, ổ khóa bán thành phẩm) → tô → ram → đóng gói → nhập kho → chuyển cho khách hàng.

- Sơ lược quy trình gia công bàn khuôn máy các loại: nguyên liệu (khuôn máy các loại: khuôn dập nguội, khuôn vạt góc, khuôn bù lon, khuôn tọa ổ bi và khuôn đường chạy dây xích) → mài → một phần cung cấp cho hoạt động sản xuất của dự án, một phần đóng gói nhập kho và xuất bán.

- Sơ lược quy trình gia công các bán thành phẩm bằng kim loại (ống lót, ống lăn, mắt trong, mắt ngoài, chốt).

Sản xuất ống lót: nguyên liệu (thép dẹp) → uốn → cắt

Sản xuất ống lăn: nguyên liệu (thép dẹp) → uốn → cắt

Sản xuất mắt trong: nguyên liệu (băng thép) → định hình → dập

Sản xuất mắt ngoài: nguyên liệu (băng thép) → định hình → dập

Sản xuất chốt: nguyên liệu (dây thép) → định hình → cắt → mài

Các bộ phận (ống lót, ống lăn, mắt trong, mắt ngoài, chốt) → tô → ram → mài cát, rửa → tách nước → phun cát → đánh bóng → thổi bụi → lựa chọn → đóng gói → nhập kho.

Công ty cam kết tất cả các hóa chất, nguyên nhiên, vật liệu sử dụng đều nằm trong các danh mục cho phép của nhà nước và pháp luật.

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Tổng diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 32.411,89 m² chiếm 52,66% diện tích đất.

- Diện tích đất bố trí trồng cây xanh, thảm cỏ: 12.351 m² chiếm 20,1% diện tích đất.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân viên tại nhà máy; nước thải sản xuất từ quá trình mài cát và tách nước, nước vệ sinh các tháp giải nhiệt, nước vệ sinh nhà xưởng, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải các lò tô nhỏ.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển; từ quá trình xuất nhập nguyên nhiên liệu, hóa chất và sản phẩm của nhà máy và xưởng cho thuê (kho chứa); từ quá trình gia công tạo hình; từ quá trình mài cát; từ quá trình phun cát; từ quá trình đánh bóng và thổi bụi; từ quá trình xử lý nhiệt; hơi dầu phát sinh từ quá trình tô; từ quá trình lắp ráp; từ quá trình gia công khuôn các loại; hơi dầu từ quá trình nhúng dầu; hơi dầu từ quá trình sử dụng dầu làm mát các máy gia công cơ khí; mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và quá trình lưu chứa chất thải sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy

hại phát sinh từ hoạt động sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển: Bụi, SO₂, NO_x, CO,..

- Bụi từ quá trình xuất nhập nguyên nhiên liệu, hóa chất và sản phẩm của nhà máy và xưởng cho thuê (kho chứa).

- Bụi, khí thải từ quá trình gia công tạo hình; từ quá trình mài cát, phun cát; từ quá trình đánh bóng và thổi bụi; từ quá trình xử lý nhiệt; từ quá trình lắp ráp; từ quá trình nhúng dầu...

- Hơi dầu phát sinh từ quá trình tôi; từ quá trình sử dụng dầu làm mát các máy gia công cơ khí...

- Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và quá trình lưu chứa chất thải sinh hoạt: H₂S, NH₃, mercaptan....

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt, nhà ăn: dự kiến 33,25m³/ngày (công nhân viên làm việc tại nhà máy: 370 người; tại xưởng cho thuê (kho chứa): 10 người). Thông số đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Amoni, Tổng Nitơ (N), Tổng Phốt pho (P), Dầu mỡ động thực vật; Coliform.

- Nước thải sản xuất: từ quá trình mài cát và tách nước, nước vệ sinh các tháp giải nhiệt, nước vệ sinh nhà xưởng, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải các lò tôi nhỏ phát sinh dự kiến 34,52 m³/ngày. Thông số đặc trưng: pH, TSS, COD, dầu khoáng, sắt,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ quá trình sản xuất phát sinh dự kiến: 1.088,2 tấn/năm (bao gồm: vụn kim loại, phế phẩm không dính dầu, cát thải, mùn cưa, bao bì nguyên liệu thải, bao bì đóng gói, carton hư hỏng, ...).

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên phát sinh dự kiến: 202,8 kg/ngày (bao gồm: bao bì thải, vỏ lon nước giải khát thải, hộp đựng thức ăn thải, thức ăn thừa, ...).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng: dự kiến 34,53 tấn/năm.

- Thành phần chính: Cặn dầu thải, bao bì kim loại chứa dầu, bao bì mềm đựng hóa chất, bao tay, giẻ lau, vải thấm nhiễm dầu nhớt, hóa chất, ba vớ kim loại dính dầu thải, các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in văn phòng, pin thải,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Lắp đặt 09 hệ thống lọc bụi túi vải đi kèm 09 máy phun cát kiểu thùng quay, công suất thiết kế 2.000 m³/h/hệ thống. *Sơ lược quy trình xử lý như sau: Bụi → thiết bị lọc bụi túi vải (túi lọc bụi → định kỳ hợp đồng với đơn vị thu gom) → quạt hút → ống thoát khí bên trong xưởng.*

- Lắp đặt 02 hệ thống lọc bụi túi vải kết hợp cyclone đi kèm 2 máy phun cát dạng phun có khí nén, công suất thiết kế 4.000 m³/h/hệ thống. *Sơ lược quy trình xử lý như sau: Bụi → cyclone → thiết bị lọc bụi túi vải (thùng chứa bụi → hợp đồng với đơn vị thu gom) → quạt hút → ống thoát khí bên trong xưởng.*

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn xử lý nhiệt (10 lò tôi nhỏ: 07 lò hiện hữu và 03 lò mới), công suất thiết kế 5.500 m³/giờ. *Sơ lược quy trình xử lý*

như sau: khí thải → ống thu gom → tháp phun (bể nước phân đáy tháp) → quạt hút → ống thoát khí ra môi trường (01 ống).

- Lắp đặt 04 hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn xử lý nhiệt (04 lò tôi ram liên tục: 03 lò hiện hữu, 01 lò mới), công suất thiết kế 5.700 m³/giờ/hệ thống. *Sơ lược quy trình xử lý như sau: khí thải → ống thu gom → tháp tách dầu (thùng chứa dầu → hộp đồng với đơn vị thu gom) → quạt hút → ống thoát khí ra môi trường (01 ống chung tương ứng 03 hệ thống của 03 lò hiện hữu, 01 ống tương ứng 01 hệ thống của 01 lò mới).*

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi dầu tại công đoạn nhúng dầu, công suất thiết kế 1.000 m³/giờ. *Sơ lược quy trình xử lý như sau: hơi dầu → ống thu gom → tháp tách dầu (thùng chứa dầu → hộp đồng với đơn vị thu gom) → quạt hút → ống thoát khí ra môi trường (01 ống).*

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi dầu tại công đoạn gia công cơ khí (máy mài vô tâm và máy ống lăn), công suất thiết kế 2.100 m³/giờ. *Sơ lược quy trình xử lý như sau: hơi dầu → ống thu gom → tháp tách dầu (thùng chứa dầu → hộp đồng với đơn vị thu gom) → quạt hút → ống thoát khí ra môi trường (01 ống).*

3.2. Công trình thu gom và xử lý nước thải:

- Hệ thống thoát nước mưa của dự án được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải và được đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN tại 02 vị trí.

- Nước thải sinh hoạt, nhà ăn (sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, bể tách dầu mỡ) cùng với nước thải sản xuất được thu gom đưa về 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 100 m³/ngày để xử lý trước khi đấu nối với KCN Amata. *Sơ lược quy trình xử lý như sau: Nước thải sản xuất (sau khi qua bể tách dầu → Bể điều hòa → cụm bể hóa lý (trung hòa, keo tụ, tạo bông) → bể lắng hóa lý) + Nước thải sinh hoạt → bể điều hòa → bể thiếu khí (Anoxic) → bể sinh học hiếu khí (Aerotank) → bể lắng sinh học → bể khử trùng → bể chứa nước sau xử lý → một phần tái sử dụng cho công đoạn mài cát, còn lại đấu nối với Nhà máy xử lý nước thải KCN Amata.*

- Nước thải từ hoạt động cho thuê xưởng làm kho chứa (chủ yếu nước thải sinh hoạt) được thu gom chung đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Chủ dự án để xử lý đạt giới hạn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Amata.

- Bùn từ bể tự hoại và bùn từ hệ thống xử lý nước thải được giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện tách riêng triệt để tuyến thu gom, thoát nước mưa và nước thải của Dự án.

+ Đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Amata, trước khi đấu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Amata.

+ Bố trí vị trí đấu nối nước thải ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát.

+ Ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty đầu tư hạ tầng KCN Amata.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh và thu gom về khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Bố trí khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích: 244 m² (trong đó: khu chứa chất thải rắn sinh hoạt

24 m²; khu chứa chất thải rắn công nghiệp không nguy hại 220 m²) để lưu giữ tạm thời, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường (đối với Chủ dự án và đơn vị thuê nhà xưởng):

+ Thu gom, xử lý các loại sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Bố trí khu lưu giữ CTNH (diện tích 68 m²) để lưu giữ tạm thời, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường (đối với Chủ dự án và đơn vị thuê nhà xưởng):

+ Thu gom, xử lý các loại CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án; thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo các biện pháp đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà xưởng để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Xây dựng phương án, kế hoạch/biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nguy hiểm trong công nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Yêu cầu: Trường hợp xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, Công ty phải ngưng hoạt động công đoạn sản xuất phát sinh chất thải; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự cố môi trường và thực hiện khắc phục theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 09 hệ thống lọc bụi túi vải đi kèm 09 máy phun cát kiểu thùng quay, công

suất thiết kế: 2.000 m³/h/hệ thống (ống thoát khí phát tán bên trong xưởng).

- 02 hệ thống lọc bụi túi vải kết hợp cyclone đi kèm 2 máy phun cát dạng phun có khí nén, công suất thiết kế: 4.000 m³/h/hệ thống (ống thoát khí phát tán bên trong xưởng).

- 01 hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn xử lý nhiệt (10 lò tôi nhỏ: 07 lò hiện hữu và 03 lò mới), công suất thiết kế: 5.500 m³/giờ (01 ống thoát khí tương ứng 01 hệ thống).

- 04 hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn xử lý nhiệt (lò tôi ram liên tục), công suất thiết kế: 5.700 m³/giờ/hệ thống (01 ống thoát khí tương ứng 03 hệ thống của 03 lò hiện hữu, 01 ống thoát khí tương ứng 01 hệ thống của 01 lò mới).

- 01 hệ thống xử lý hơi dầu tại công đoạn nhúng dầu, công suất thiết kế: 1.000 m³/giờ (01 ống thoát khí tương ứng 01 hệ thống).

- 01 hệ thống xử lý hơi dầu tại công đoạn gia công cơ khí (máy mài vô tâm và máy ổng lăn), công suất thiết kế: 2.100 m³/giờ (01 ống thoát khí tương ứng 01 hệ thống).

- 01 hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 100 m³/ngày đêm

- 01 khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 24 m²

- 01 khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích 220 m².

- 01 khu lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 68 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án:

5.1. Giám sát khí thải:

- Vị trí: Ống thoát khí sau các hệ thống xử lý khí thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát:

+ Đối với khí thải từ công đoạn xử lý nhiệt (lò tôi, ram liên tục): Lưu lượng, Bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃.

+ Đối với khí thải từ công đoạn xử lý nhiệt (lò tôi nhỏ): Lưu lượng, Bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_v = 0,6; K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ.

5.2. Giám sát nước thải:

- Vị trí: tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Amata.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, độ màu, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Amoni, Fe, dầu mỡ khoáng, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Giới hạn tiếp nhận nước thải theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN Amata đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

5.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và nguy hại: Giám sát khối lượng các loại chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh, phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để bảo quản theo quy định.

5.4. Giám sát môi trường lao động:

Thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định liên quan. Lưu ý hơi dầu (VOC, Hydrocacbon) tại công đoạn nhúng dầu và tại công đoạn gia công cơ khí (máy mài vô tâm và máy ổng lăn).

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Trong giai đoạn chuẩn bị, lắp đặt thiết bị của dự án:

Quản lý, kiểm soát, xử lý nước thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại và các loại chất thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy định về quản lý chất thải xây dựng theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng, quy định về quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6.2. Trong giai đoạn vận hành thương mại Dự án:

- Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

- Bảo đảm nguồn lực; trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Duy trì, đảm bảo diện tích cây xanh đạt tỷ lệ tối thiểu 20% theo quy định.

6.3. Trách nhiệm của Chủ dự án:

- Thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới.

7. Liên quan điều khoản chuyển tiếp:

Hồ sơ của Công ty nộp trước ngày 01/01/2022 nên được xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI.